**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Mẫu 4.2 – ĐC -DDĐĐC01

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

Khoa Điều Dưỡng

**Học phần: MGT 433 A – Quản lý điều dưỡng**

Học Kỳ 1 – Năm Học: 2018 – 2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số Tín Chỉ** | **Thông Tin Về Giảng Viên** | **Thông Tin Về Lớp Học** |
| LEC: 2 tín chỉ | **1. HỒ THỊ NHI NA**  **Cơ quan:** Phòng 204, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam  **Điện thoại:** 0989028770  **Email:** [honhinaqs@gmail.com](mailto:honhinaqs@gmail.com) | **Thứ Trong Ngày, Giờ**:  **Phòng:** |

**Giáo Trình:**

1. Hồ Thị Nhi Na, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Hoàng Thị Ngân, Phạm Thị Ngọc An, Giáo trình nội bộ Quản lý điều dưỡng, 2018.

**Tài Liệu Tham Khảo:**

1. Lê Văn An, Giáo trình Quản lý điều dưỡng, Nhà xuất bản Đại học Y Dược Huế, 2011.
2. Phạm Đức Mục, Nghiên cứu điều dưỡng, tái bản lần thứ 3, Nhà xuất bản giao thông vận tải, 2016.
3. Trương Minh Đức, Kỹ năng làm việc nhóm, Bộ kế hoạch và đầu tư, Cục phát triển doanh nghiệp, 2012.
4. Phạm Đức Mục, Tài liệu đào tạo tăng cường năng lực Quản lý điều dưỡng 2016.
5. RuRuth F.C, Constance J. H. (2009). Fundamental of nursing: human health and function (6th ed). Philadelphia, PA: Lippincott Williams & Wilkins

**Mô Tả Môn Học*:***

Quản lý điều dưỡng là môn học gồm có 2 phần chính: Quản lý điều dưỡng và nghiên cứu khoa học điều dưỡng. Các nội dung chủ yếu cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên ngành về tổ chức ngành Điều dưỡng, công tác quản lý Điều dưỡng và các phương pháp nghiên cứu khoa học để sinh viên có khả năng vận dụng linh hoạt những kiến thức đã học vào thực tiễn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn Học Thuộc Chương Trình Giáo Dục:** | | |
| **Các Môn Tiên Quyết** | **Các Môn Song Hành** | **Vai Trò Của Môn Học** |
|  |  | 🗹 Bắt buộc (R)  ❑ Tự chọn theo cụm (SE)  ❑ Tự chọn (E) |

**CHỦ ĐỀ & LỊCH TRÌNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT**  **Nội Dung** | **Ngày/Giờ** | **Chủ Đề** | **Tài Liệu Đọc Liên Quan** | **Ghi Chú** |
| **ND. 1** | 2LC | Tổ chức ngành điều dưỡng | [GT 1] tr.5 – 13  [TLTK 1] tr. 7-23 |  |
| **ND2** | 2LC | Các mô hình phân công chăm sóc | [GT 1] tr. 14-24  [TLTK 1] tr. 22-27 |  |
| **ND. 3** | 2LC | Bệnh viện với công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu | [GT 1] tr. 25-33  [TLTK 1] tr. 88-98 |  |
| **ND4** | 2LC | Đi buồng thường quy | [GT 1] tr. 34-38  [TLTK 1] tr. 56-59. |  |
| **ND. 5** | 2LC | Quản lý và lãnh đạo | [GT 1] tr. 39-52  [TLTK 1] tr. 109-119. |  |
| **ND.6** | 2LC | Quản lý nhân lực | GT 1] tr. 53-62  [TLTK 1] tr. 126-136.  [TLTK 4] tr. 89-97. |  |
| **ND. 7** | 2LC | Làm việc nhóm | GT 1] tr. 63-71  [TLTK 3] tr. 4-64 |  |
| **ND.8** | 2LC | Kỹ năng giải quyết vấn đề | GT 1] tr. 72-81  [TLTK 1] tr. 178-185  [TLTK 4] tr. 56-62. |  |
| **ND. 9** | 2LC | Quản lý thời gian | GT 1] tr. 82-86  [TLTK 2] tr. 156-160 |  |
| **ND. 10** | 2LC | Vai trò của nghiên cứu điều dưỡng và thực hành dựa vào bằng chứng | GT 1] tr. 87-97  [TLTK 2] tr. 13-27 |  |
| **ND.11** | 2LC | Quy trình nghiên cứu | GT 1] tr. 98-103  [TLTK 2] tr. 28-34 |  |
| **ND.12** | 2LC | Chọn vấn đề nghiên cứu | GT 1] tr. 104-112  [TLTK 2] tr. 35-55 |  |
| **ND.13** | 2LC | Tổng quan tài liệu và trích dẫn tài liệu | GT 1] tr. 113-124  [TLTK 2] tr. 56-72 |  |
| **ND.14** | 2LC | Biến số nghiên cứu và khung nghiên cứu | GT 1] tr. 125-131  [TLTK 2] tr. 51-56 |  |
| **ND.15** | 2LC | Một số học thuyết điều dưỡng | GT 1] tr. 132-140  [TLTK 4] tr. 48 - 55 |  |
| **ND.16** | 2LC | Các phương pháp nghiên cứu khoa học | GT 1] tr. 141-155  [TLTK 2] tr. 73-110 |  |
| **ND. 17** | 2LC | Các phương pháp chọn mẫu nghiên cứu | GT 1] tr. 156-165  [TLTK 2] tr. 111-126 |  |
| **ND. 18** | 2LC | Các phương pháp thu thập số liệu nghiên cứu | GT 1] tr. 166-173  [TLTK 2] tr. 127-144 |  |
| **ND.19** | 2LC | Phát triển bộ công cụ nghiên cứu | GT 1] tr. 174-176  [TLTK 2] tr. 137 - 144 |  |
| **ND.20** | 2LC | Phân tích và trình bày số liệu | GT 1] tr. 177-180  [TLTK 2] tr. 145 -168 |  |
| **ND. 21** | 2LC | Trình bày báo cáo khoa học | GT 1] tr. 181-153  [TLTK 2] tr. 181-184 |  |

**CÁC HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ & TRỌNG SỐ ĐIỂM**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hình Thức Đánh Giá** | **Trọng số điểm, %** |
| Chuyên cần | 20% |
| Kiểm tra Giữa kỳ | 25% |
| Kiểm tra Cuối kỳ | 55% |
| **Tổng:** | 100% |

**MỤC TIÊU MÔN HỌC**

Ngay khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

**CLO.1.**  ***Mô tả*** được hệ thống quản lý điều dưỡng ở Việt Nam, quy trình nghiên cứu điều dưỡng.

**CLO.2. *Phân tích*** các nguyên tắc và kỹ năng quản lý điều dưỡng, phương pháp nghiên cứu điều dưỡng.

**CLO.3.** ***Vận dụng*** vào thực tế để giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác điều dưỡng, thực hiện các đề tài nghiên cứu điều dưỡng

**MA TRẬN MỨC ĐỘ LIÊN HỆ GIỮA MỤC TIÊU MÔN HỌC – CHUẨN ĐẦU RA**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục Tiêu Môn Học** | **Nội Dung Liên Quan** | **Phương Pháp Giảng Dạy** | **Hình Thức Đánh Giá** | **Mức Độ Liên Hệ** | **Chuẩn Đầu Ra** |
| CLO.1 | * ND.1 đến ND 10 | * Giảng bài trên lớp * Thảo luận nhóm | * Kiểm tra Giữa kỳ * Kiểm tra Cuối kỳ | S |  |
| CLO.2 | * ND.1 đến ND 10 | * Giảng bài trên lớp * Thảo luận nhóm | * Kiểm tra Giữa kỳ * Kiểm tra Cuối kỳ | M |  |
| CLO.3 | * ND.1 đến ND 10 | * Giảng bài trên lớp * Thảo luận nhóm * Case study | * Kiểm tra Giữa kỳ * Kiểm tra Cuối kỳ | H |  |

Ghi chú:

Có các mức độ liên hệ giữa Mục Tiêu Môn Học với Chuẩn Đầu Ra như sau:

* **H (High - Cao)**: Mục Tiêu Môn Học (được nêu) là trọng tâm của cả môn học hoặc bao quát cả đồ án hay dự án trong môn. Chiếm ít nhất 30% khối lượng đề cương giảng dạy.
* **M (Moderate - Bán Trọng tâm)**: Mục Tiêu Môn Học (được nêu) là trọng tâm của ít nhất một chủ đề trong môn. Những thảo luận nằm trong kế hoạch giảng dạy có liên quan trực tiếp đến Mục Tiêu Môn Học (được nêu). Được thể hiện qua các bài đọc và bài tập về nhà. Chiếm từ 10% - 20% khối lượng đề cương giảng dạy.
* **L (Limited - Hạn chế)**: Mục Tiêu Môn Học (được nêu) là một phần của (các) bài giảng hoặc (các) chủ đề của môn học; các thảo luận có nằm trong kế hoạch giảng dạy, nhưng không phải là trọng tâm của chủ đề môn học. Được thể hiện bằng một phần trong các bài đọc và bài tập về nhà. Chiếm ít hơn 10% khối lượng đề cương giảng dạy.